

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HS-ST

Ngày 15 - 01 - 2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy;

Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Hùng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thi, bà Lê Thị Anh Thư và ông Lại Văn Phong.

Thư ký phiên tòa: Ông Mai Hiền Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 82/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 01/2025/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2025, đối với bị cáo:

Phạm Đức T5 (Tên gọi khác T), sinh năm 1961 tại Hà Nam; nơi ĐKKTT: Ngõ A, Nguyễn T1, P302, nhà F, tập thể Công ty X1, phường T, quận T, Thành phố Hà Nội; chỗ ở: Thôn K, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Khả C và bà Lã Thị T2 (Đều đã chết); có vợ Nguyễn Thị Thanh V (Đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 1993 (Đã chết), con nhỏ sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 1987 bị Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh xử phạt 01 năm tù về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản của công dân”, năm 1988 bị Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 48 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác”, ngày 02/3/1998 bị Công an huyện T, Thành phố Hà Nội xử lý hành chính (Phạt tiền 500.000 đồng) về hành vi “Đánh bạc”, ngày 30/10/2004 bị Công an phường T, quận T, Thành phố Hà Nội xử lý hành chính (Phạt tiền 100.000 đồng) về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”, ngày 15/4/2005 bị Công an phường T, quận T, Thành phố Hà Nội xử lý hành chính (Phạt tiền 200.000 đồng) về hành vi “Cố ý gây thương tích”, ngày 27/7/2018 bị Công an quận T, Thành phố Hà Nội xử lý hành chính (Phạt tiền 750.000 đồng) về hành vi “Đánh nhau”. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09 tháng 6 năm 2024 đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Văn C1 - Luật sư của Công ty L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh H, có mặt.

- *Bị hại:* Anh Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Phạm Lê N, sinh năm 1996; nơi cư trú: Ngõ A, Nguyễn T1, P302, nhà F, tập thể Công ty X1, phường T, quận T, Thành phố Hà Nội, có mặt.

+ Bà Phạm Thị S, sinh năm 1959; nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Trần Văn X, sinh năm 1972 và ông Phạm Đức T3, sinh năm 1959, đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 08/6/2024, sau khi uống rượu về T5 đi bộ ra quán nhà bà Phạm Thị S ở thôn K, xã H, huyện L. Tại đây, T5 thấy anh Nguyễn Văn D đang ngồi uống rượu cùng với anh Trần Văn X, anh Phạm Đức T3. Do trước đó, giữa T5 và anh D đã có mâu thuẫn với nhau và anh D đã chửi T5 nên khi nhìn thấy T5 anh D lại chửi “Đ.M cái thằng Thơ C2”. Bị chửi, T5 bức tức đi về nhà, đến gần giường lấy con dao dạng dao bầu do T5 mua trên mạng trước đó, giấu vào trong tất đi ở chân phải, phía trong ống quần rồi quay lại nhà bà S. Khi đi đến cổng nhà bà S, T5 thấy anh D đang ngồi thu hai chân trên ghế inox mặt tròn, phía đầu bàn về phía cổng. T5 đi đến gần chỗ anh D đang ngồi, đứng ở phía bên phải hơi chệch về sau anh D, dùng tay phải lấy con dao bầu đang giấu trong tất chân phải đâm mạnh một nhát trúng vào phần thành ngực phần hạ sườn phải của anh D, lúc này T5 nói “Đ mẹ mày, tao chém chết con nhà thằng T4”. T5 rút dao ra cửa liên tiếp trúng vào phần cổ, trán và vai phải của anh D. Anh D đứng dậy chạy về phía bể nước nhà bà S dùng tay phải lấy con dao phay trên nóc bể rồi quay lại giơ lên chém về phía T5 nhưng không trúng, T5 lùi lại cầm chiếc ghế inox lên đỡ, anh D chém trúng chiếc ghế làm dao rơi xuống sân; sau đó, anh D ngã gục xuống. T5 hô mọi người đưa anh D đi cấp cứu và đưa con dao cho anh X rồi đi về nhà. Anh D được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh H; sau đó, chuyển lên Bệnh viện H, còn T5 bị lực lượng Công an bắt giữ ngay sau đó. Cơ quan điều tra tiến hành đo nồng độ cồn trong hơi thở của Phạm Đức T5, kết quả là 1,238mg/L khí thở .

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Nhà bà S xây một tầng, lợp mái ngói, quay hướng N; toàn bộ khuôn viên nhà bà S phía Bắc tiếp giáp nhà ông Phạm Tiến B, phía Nam tiếp giáp đường liên thôn bằng bê tông rộng 3,3m. Phía Đông

tiếp giáp nhà ông Phạm Văn Đ, phía Tây tiếp giáp vườn cây nhà ông B. Khuôn viên nhà bà S: Nhà ở chính phía Bắc, tiếp giáp với phía Nam là khu vực sân có kích thước (6,5 x 3,7)m, lát gạch hoa sáng màu gạch men. Tiếp giáp sân về phía Nam là khu vực lối vào ở phía Tây, tiếp giáp về phía Đ1 là bể nước, giáp với quán tạp hóa có cửa quay về phía sân. Lối vào rộng 1,7m có cổng đi ra đường liên thôn, loại cổng 02 cánh kim loại sơn màu xanh mở vào đang trong trạng thái mở.

Trong khuôn viên nhà bà S được bố trí như sau: Tại góc Đông Bắc giáp với bậc lên xuống hiên nhà là bể nước. Trên nền sân tại vị trí cách bậc lên xuống về phía Bắc 0,8m, cách tường bao phía Đông ngăn cách với vườn nhà ông B 2,5m là vị trí đặt bộ bàn ghế dạng inox gồm 01 bàn kích thước (1,3 x 0,8 x 0,75)m và 05 ghế dạng ghế ngồi mặt tròn.

Nền lối vào sân được lát gạch tương tự gạch lát sân. Trên nền ngõ này tại vị trí sát trụ cổng phía Đông, cách góc Tây Nam bể nước 40cm về phía Đông Nam phát hiện 01 dao kim loại chuôi gỗ (Dạng dao bầu), mũi nhọn, một lưỡi sắc, tổng chiều dài 32cm, phần bản dao dài 19cm, chỗ rộng nhất 06cm, sống dao dày 0,1cm, đường kính chuôi dao 03cm, phần tiếp giáp bản dao được ốp kim loại màu vàng. Vị trí này được đánh số (01). Cách chuôi dao tại vị trí số 01 hướng Tây Nam theo hướng T trên nền lối vào cách 2,4m phát hiện đám chất dạng dịch nhầy lẫn chất màu nâu đỏ dạng ướt nghi máu, trên diện (40 x 30)cm. Vị trí này được đánh số (02). Cách điểm gần nhất cạnh phía Bắc vị trí 02 về phía Bắc trên nền sân phát hiện 01 chiếc dép dạng dép xốp màu trắng chân phải bám dính chất màu nâu đỏ ướt nghi máu, kích thước (27 x 11)cm, vị trí này được đánh số (03). Cách điểm gần nhất mũi dép vị trí số (03) về phía T trên nền sân phát hiện đám chất màu nâu đỏ dạng chảy ướt nghi máu trên diện (0,5 x 0,45)m hướng Đông Bắc và T ngang phía dưới chân ghế và bàn kim loại, vị trí này được đánh số (04). Cách điểm gần nhất số (04) về phía Đông 3,5m trên nền sân phát hiện đám chất màu nâu đỏ dạng chảy và nhỏ giọt đã khô trên diện (0,3 x 0,25)m hướng từ Đông sang T. Điểm gần nhất phía Nam cách cạnh cửa ra vào sân phía Đông quán T6, vị trí này được đánh số (05). Tại vị trí cách chuôi dao ở vị trí đánh số (01) cách 1,7m về phía Đông trên khe hở giữa bể nước và tường bao phía Nam trong khe này để rác thải dạng các vỏ lon chai nhựa đồ uống. Trong khu vực này phát hiện 01 dao kim loại đã cũ chuôi gỗ (Dạng dao rựa), tổng chiều dài 40,58cm; trong đó, phần bản dao dài 28,58cm, mũi bằng một lưỡi sắc, chỗ rộng nhất 07cm, phần đầu dao có lỗ thủng đường kính 0,5cm, chuôi dao bằng gỗ hai đầu nẹp kim loại, đường kính 2,5cm, vị trí này đánh số (06).

Quá trình khám nghiệm đã thu giữ: 01 chiếc dao kim loại tại vị trí số (01) được niêm phong trong túi giấy ký hiệu “DB”; 01 chiếc dao kim loại tại vị trí số (06) được niêm phong trong túi giấy ký hiệu “DR”; 02 dấu vết nghi máu tại vị trí số (04), (05) được niêm phong trong phong bì ký hiệu “M4”, “M5”; 01 chiếc dép tại vị trí số (03) được niêm phong trong túi giấy ký hiệu “DEP”.

Phạm Đức T5 giao nộp: 01 áo sơ mi cộc tay màu trắng bầm dính chất màu nâu nghi máu được niêm phong ký hiệu “Áo Thành giao nộp”; 01 điện thoại di động Sam sung A03S được niêm phong trong phong bì ký hiệu “Điện thoại T5 giao nộp”.

Anh Phạm Lê N (Con trai T5) giao nộp: Huân chương kháng chiến của ông Phạm Khả C, Huy chương kháng chiến của bà Lã Thị T2 là bố mẹ đẻ của bị cáo. Anh Nguyễn Văn D giao nộp các tài liệu là hóa đơn, phiếu thu tiền liên quan đến quá trình điều trị của anh D tại Bệnh viện H.

Căn cứ tài liệu điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Phạm Đức T5 tại thôn K, xã H, huyện L, quá trình thi hành lệnh không thu giữ đồ vật có liên quan đến vụ án.

Tại Kết luận giám định ADN số 357/24/KLGDADN-PYQG ngày 18/6/2024 của V1 kết luận *“Thử định tính phát hiện nhanh vết máu người trên con dao ký hiệu “DB”, chiếc dép ký hiệu “DEP”, chiếc áo ký hiệu “Áo Thành giao nộp”, các mẫu nghi máu ký hiệu “M4”, “M5”: Dương tính. ADN thu từ con dao ký hiệu “DB”, chiếc dép ký hiệu “DEP”, chiếc áo ký hiệu “Áo Thành giao nộp”, các mẫu nghi máu ký hiệu “M4”, “M5” gửi giám định trùng khớp hoàn toàn với ADN của Nguyễn Văn D ký hiệu “MMD” trên tất cả các locus STR đã so sánh”*.

Tại Kết luận giám định số 419/KL-KTHS ngày 15/6/2024 của Phòng K Công an tỉnh kết luận *“Không tìm thấy E (Cồn) trong mẫu máu của bị can Phạm Đức T5”*.

Tại Kết luận giám định số 420/KL-KTHS ngày 17/6/2024 của Phòng K Công an tỉnh kết luận *“Không tìm thấy chất ma túy thường gặp (Heroin, Methamphetamine, Ketamine, MDMA...) trong mẫu nước tiểu của bị can T5”*.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 283/KLTTCT-TTGDYK&PY, ngày 08/11/2024 của Trung tâm G đối với Nguyễn Văn D kết luận *“1. Các kết quả chính: Gãy một xương sườn một điểm, đang can. Tổn thương màng phổi phải gây di chứng dày dính màng phổi nhỏ hơn ¼ diện tích một phế trường. Tổn thương cơ hoành phải can thiệp phẫu thuật, kết quả tốt. Khâu vết thương gan. Sẹo nhỏ vùng mặt, không ảnh hưởng chức năng. Sẹo trung bình vùng cổ, không ảnh hưởng chức năng. 02 sẹo trung bình (Hạ đòn phải - cánh tay phải và thành ngực phải), không ảnh hưởng chức năng. Sẹo (Dẫn lưu) trung bình thành ngực phải, không ảnh hưởng chức năng. 01 sẹo (Phẫu thuật) lớn và 01 sẹo (Dẫn lưu) trung bình vùng bụng, không ảnh hưởng chức năng. 2. Kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương trên cơ thể của Nguyễn Văn D tại thời điểm giám định là 60% (Sáu mươi phần trăm). Qua nghiên cứu hồ sơ tài liệu và khám giám định, nhận định: Thương tích do vật sắc nhọn tác động trực tiếp gây nên”*.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, anh D yêu cầu bị cáo T5 bồi thường tiền chi phí điều trị, tổn hại sức khỏe, công người chăm sóc, tổn hại sức khỏe và các chi phí khác, tổng số tiền 567.378.000 đồng. Anh Phạm Lê N (Con trai T5) đã bồi thường cho anh D số tiền 37.000.000 đồng. Anh D yêu cầu bị cáo T5 bồi thường tiếp số tiền còn lại.

Cáo trạng số 96/CT-VKS-P2 ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đã truy tố Phạm Đức T5 về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam giữ nguyên quan điểm truy tố; đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Phạm Đức T5 phạm tội “Giết người”. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15; Điều 57; Điều 38 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt Phạm Đức T5 từ 15 năm đến 16 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại tại phiên tòa, buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại sức khỏe cho bị hại tổng cộng 567.378.000 đồng; đối trừ số tiền 37.000.000 đồng mà anh Phạm Lê N đã bồi thường trước, bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 530.378.000 đồng. Về xử lý vật chứng đề nghị tịch thu tiêu hủy 02 chiếc dao bằng kim loại, 01 chiếc dép, 01 áo sơ mi cộc tay màu trắng; trả lại Phạm Đức T5 01 điện thoại di động Samsung A03S nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án dân sự. Bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Đức T5 nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh; tuy nhiên, mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị là quá nặng; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ đã ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo từ 12 năm đến 13 năm tù là phù hợp pháp luật.

Bị cáo Phạm Đức T5 nhất trí quan điểm của Luật sư và không có ý kiến tranh luận. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận.

Quan điểm của Viện kiểm sát không nhất trí với mức hình phạt mà Luật sư đề nghị vì bị cáo có nhân thân xấu, bồi thường khắc phục hậu quả không nhiều và hành vi phạm tội của bị cáo đặc biệt nguy hiểm cho xã hội nên giữ nguyên quan điểm đã đề nghị.

Lời nói sau cùng của bị cáo rất ân hận và mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (Bà Phạm Thị S); tuy nhiên, bà S đề nghị được vắng mặt và đã

có lời khai tại Cơ quan điều tra. Bị cáo, người bào chữa, những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa và Kiểm sát viên đều đề nghị tiếp tục xét xử. Việc bà S vắng mặt không ảnh hưởng đến quá trình xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng và Luật sư bào chữa cho bị cáo đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về tội danh, tính chất mức độ phạm tội

[3.1] Về tội danh, quá trình tranh tụng tại phiên tòa bị cáo thừa nhận các tình tiết trong Cáo trạng đúng với nội dung vụ án và phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án như lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, kết quả giám định và các tài liệu chứng cứ khác. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 17 giờ ngày 08/6/2024, tại cửa hàng bán tạp hóa nhà bà Phạm Thị S, do bị anh Nguyễn Văn D chửi nên Phạm Đức T5 về nhà lấy con dao bầu giấu trong tất đi ở chân phải, phía trong ống quần rồi quay lại nhà bà S; T5 dùng tay phải cầm dao bầu đâm một nhát trúng vào phần thành ngực hạ sườn phải; cửa vào vùng cổ, trán và vai phải anh Nguyễn Văn D khi anh D đang ngồi ở tư thế co hai chân trên ghế inox. Hậu quả anh D bị tổn hại 60% sức khỏe. Việc anh D không chết nằm ngoài mong muốn của Phạm Đức T5. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam truy tố bị cáo Phạm Đức T5 về tội “Giết người” và thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3.2] Về tính chất, mức độ phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền được sống của người bị hại được pháp luật bảo vệ và bị cáo biết rõ việc sử dụng dao bầu đâm vào phần thành ngực hạ sườn phải, cửa vào vùng cổ, trán là những vùng rất nguy hiểm và có thể dẫn đến chết người nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo gây dư luận xấu, làm ảnh hưởng đến trật tự, trị an xã hội nên phải xử lý hình sự mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

[4.1] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu đã 02 lần bị xét xử; trong đó có lần phạm tội “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác” và nhiều lần bị xử phạt hành chính.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình nộp số tiền 37.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho người bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; gia đình bị cáo có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe và đe dọa đến tính mạng của các bị hại; gây mất trật tự trị an địa phương. Xét thấy bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tại phiên tòa bị hại đề giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, việc bồi thường thiệt hại cho người bị hại không đáng kể so với hậu quả xảy ra. Vì vậy, không chấp nhận mức hình phạt của Luật sư đề nghị mà phải áp dụng mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại đề nghị bị cáo bồi thường tiền thuốc và các chi phí khác tổng cộng 567.378.000 đồng; đồng thời, đối trừ số tiền 37.000.000 đồng đã bồi thường trước đó. Bị cáo phải bồi thường tiếp cho bị hại số tiền còn lại 530.378.000 đồng. Việc bị cáo và bị hại thoả thuận bồi thường trách nhiệm dân sự tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận này của bị cáo và bị hại.

[7] Xử lý vật chứng: Con dao bầu của bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội và 01 chiếc áo sơ mi cộc tay của bị cáo là vật chứng của vụ án, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Đối với con dao rựa và chiếc dép thu giữ tại hiện trường của bà Phạm Thị S và anh Nguyễn Văn D; quá trình điều tra bà S xác định không xin lại chiếc dao và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn D không xin lại chiếc dép nên cần tịch thu tiêu hủy. Riêng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A03S của bị cáo Phạm Đức T5 không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo nhưng giữ lại để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

[8] Về án phí: Bị cáo Phạm Đức T5 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57; Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Các Điều 584, 585, 586, 588 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự. Điều 106, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố Phạm Đức T5 phạm tội “Giết người”.

2. Xử phạt bị cáo Phạm Đức T5 15 (Mười lăm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09 tháng 6 năm 2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo Phạm Đức T5 và bị hại Nguyễn Văn D, cụ thể: bị cáo Phạm Đức T5 bồi thường thiệt hại sức khỏe và các chi phí khác cho anh Nguyễn Văn D tổng số tiền 567.378.000 đồng. Đồi trừ số tiền 37.000.000 đồng mà gia đình bị cáo T5 đã bồi thường. Bị cáo Phạm Đức T5 còn phải bồi thường tiếp số tiền 530.378.000 đồng (Năm trăm ba mươi triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

4. Xử lý vật chứng

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (Hai) chiếc dao, 01 (Một) chiếc áo sơ mi cộc tay và 01 (Một) chiếc dép.

- Trả lại bị cáo Phạm Đức T5 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A03S nhưng giữ lại để đảm bảo công tác thi hành án.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam ngày 26 tháng 11 năm 2024.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Đức T5 phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 25.215.000 đồng (Hai mươi lăm triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn

15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp Cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Công an tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Hà Nam;
- Phòng KTNV&THAHS Toà án tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- UBND phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội;
- UBND xã Hợp lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Các đương sự;
- Bộ phận HCTP, Toà HS;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Đức Thủy